

DN BĐS tích cực phát hành TPDN

- Giá trị TPDN phát hành thành công trong T9 đạt gần 49.6 nghìn tỷ đồng (-17.9% so với T8, -11.9% svck). Lũy kế 9T25, tổng giá trị TPDN phát hành đạt gần 429.6 nghìn tỷ đồng (+40.7% svck).
- Chúng tôi ước tính có khoảng hơn 27.6 nghìn tỷ đồng TPDN đáo hạn trong Q4/25 – giảm 51.7% so với Q3, và giảm 8.7% svck. Trong đó, nhóm Bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất là 67% với giá trị đáo hạn ước khoảng hơn 18.4 nghìn tỷ đồng.
- Lợi suất TPCP tiếp tục duy trì đà tăng trong kỳ. Đến cuối T9, lợi suất TPCP kỳ hạn 10N neo ở mức cao nhất kể từ giữa T3/2023 tại 3.62%/năm.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Thị trường TPDN hạ nhiệt trong tháng 9

Hoạt động phát hành TPDN đã có dấu hiệu hạ nhiệt trong T9 với tổng trị giá phát hành ước đạt khoảng gần 49.6 nghìn tỷ đồng (-17.9% so với T8, -11.9% svck) – đánh dấu tháng thứ hai có mức tăng trưởng âm so với cùng kỳ. Trong đó, quy mô của nhóm Ngân hàng giảm 1% so với tháng trước và giảm 25.4% svck với giá trị phát hành đạt gần 33.9 nghìn tỷ đồng – chiếm 68.3% tổng giá trị phát hành. Ngoài ra, quy mô phát hành mới của nhóm Bất động sản giảm 41.6% so với tháng trước khi đạt hơn 12.9 nghìn tỷ đồng (chiếm 26% tổng giá trị phát hành), tuy nhiên vẫn tăng mạnh 61.4% svck. Các DN có tổng giá trị phát hành cao trong tháng bao gồm: Tập đoàn Vingroup (6 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 11%), Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Trường Minh (5.5 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 8.95%), CTCP Đầu tư phát triển Bất động sản Thành Vinh (610 tỷ đồng, kỳ hạn 96 tháng, lãi suất 9.2%). Theo đó, việc nhóm BĐS giảm quy mô phát hành với mức lãi suất trung bình khoảng 10% trong T9 đã kéo theo việc lãi suất thị trường chung từ mức 7.9% của T8 về mức 7.3% trong T9.

Về hoạt động phát hành TPDN ra công chúng, thị trường ghi nhận 1 đợt phát hành trong T9 với giá trị 499 tỷ đồng đến từ CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa. Theo đó, tổng giá trị trái phiếu phát hành ra công chúng trong 9T25 đạt gần 48.3 nghìn tỷ đồng, tăng 45% so với cả năm 2024.

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt gần 429.6 nghìn tỷ đồng, tăng 40.7% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong 9T25 ước đạt khoảng 7%, không đổi so với mức của 8T25.

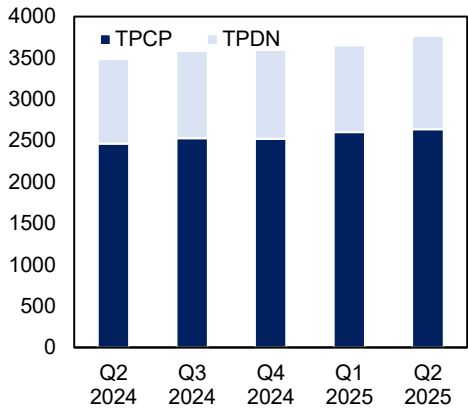
Ngân hàng là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất (chiếm 71.4% tổng giá trị phát hành) với hơn 306.5 nghìn tỷ đồng - tăng 39% svck, tăng 2% so với tổng giá trị phát hành của ngành Ngân hàng trong năm 2024. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 5.8%/năm, kỳ hạn bình quân 4.6 năm. Các ngân hàng có giá trị phát hành lớn nhất từ đầu năm đến nay bao gồm: TCB (41 nghìn tỷ đồng), ACB (35.1 nghìn tỷ đồng), và OCB (30.1 nghìn tỷ đồng).

Nhóm **Bất động sản** có tổng giá trị phát hành đạt hơn 82.6 nghìn tỷ đồng (chiếm 19.2% tổng giá trị phát hành), tăng 56.2% svck. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 10.4%/năm, kỳ hạn bình quân 3.2 năm. Các doanh nghiệp có giá trị phát hành lớn nhất bao gồm: Tập đoàn Vingroup (24 nghìn tỷ đồng), CTCP Vinhomes (15 nghìn tỷ đồng), và CTCP Tư vấn và kinh doanh bất động sản TCO (8 nghìn tỷ đồng).

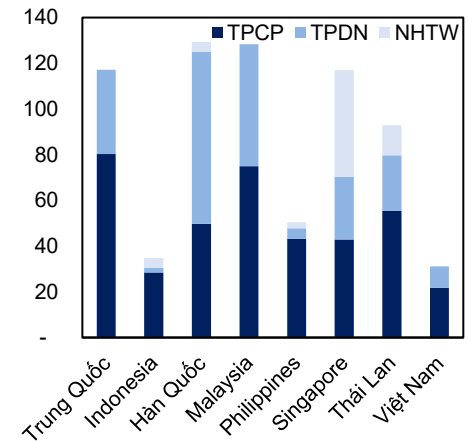
Hoạt động mua lại TPDN trước hạn trong T9 giảm nhẹ so với tháng trước

Trong T9, giá trị TPDN mua lại trước hạn ước tính khoảng gần 38.3 nghìn tỷ đồng, giảm 19% so với tháng trước, và tăng 81.4% svck. Trong đó, nhóm Ngân hàng chiếm tỷ trọng cao nhất 86.7% với tổng giá trị mua lại ước tính đạt gần 33.2 nghìn tỷ đồng (+85% svck). Lũy kế 9T25, khoảng hơn 237.3 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+63.7% svck), với đóng góp chủ yếu từ hoạt động mua lại của nhóm Ngân hàng (chiếm 66% tổng giá trị mua lại, +46.7% svck) và nhóm Bất động sản (chiếm 17.6% tổng giá trị mua lại, +179% svck).

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q2 2025)



Chuyên viên phân tích



Đinh Hà Anh

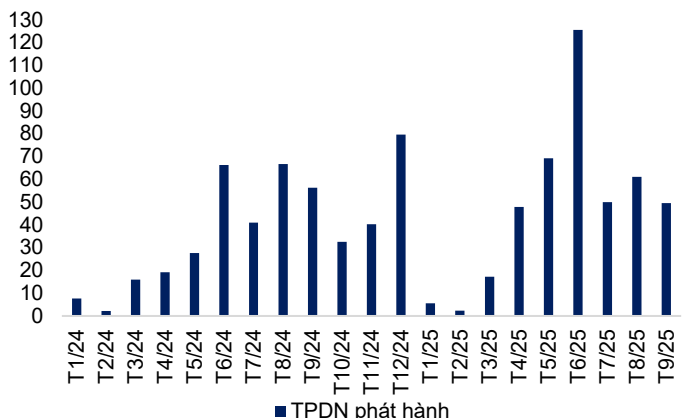
Anh.DinhHa@mbs.com.vn

Áp lực đáo hạn vội dần trong hai quý tới

Nhờ hoạt động mua lại TPDN trước hạn sôi động và các DN chủ động gia hạn thêm kỳ hạn cho TPDN, áp lực đáo hạn trong Q4 đã nhẹ nhàng hơn đáng kể so với mức của Q3. Chúng tôi ước tính có khoảng hơn 27.6 nghìn tỷ đồng TPDN đáo hạn trong Q4/25 – giảm 51.7% so với Q3, và giảm 8.7% svck. Trong đó, nhóm Bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất là 67% với giá trị đáo hạn ước khoảng hơn 18.4 nghìn tỷ đồng.

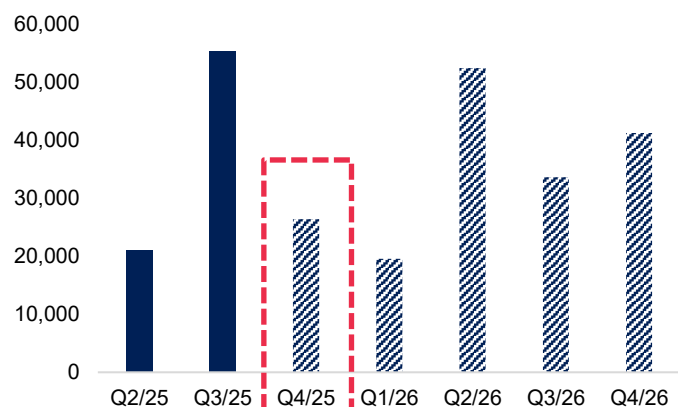
Về tình hình chậm trả, T9 ghi nhận 4 mã trái phiếu công bố chậm trả lần đầu với tổng trị giá khoảng 2.8 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 9T25, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán ước khoảng 65 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 4.9% dư nợ TPDN của toàn thị trường, trong đó nhóm Bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất với gần 74%.

Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 17/10)



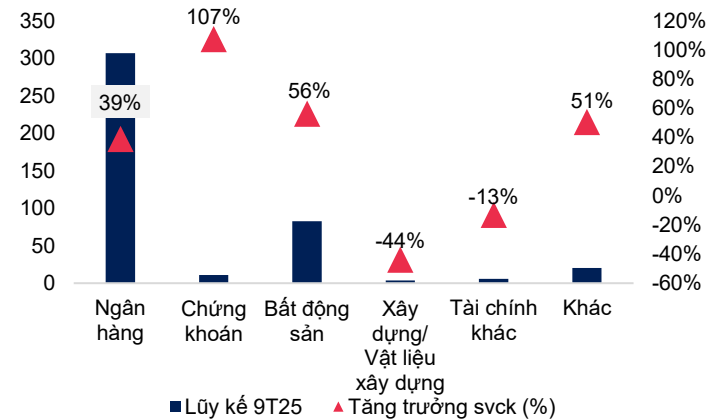
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Tỷ đồng)



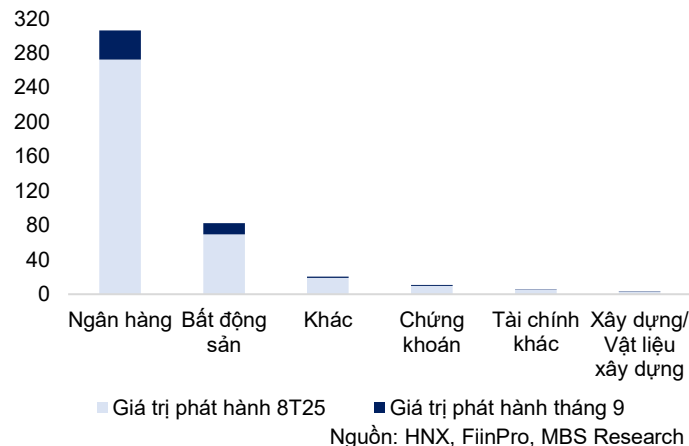
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Giá trị TPDN phát hành thành công của các nhóm ngành trong lũy kế từ đầu năm (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



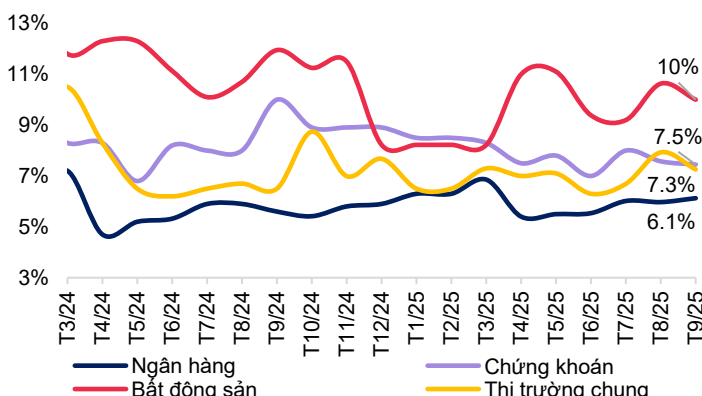
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ đầu năm 2025 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



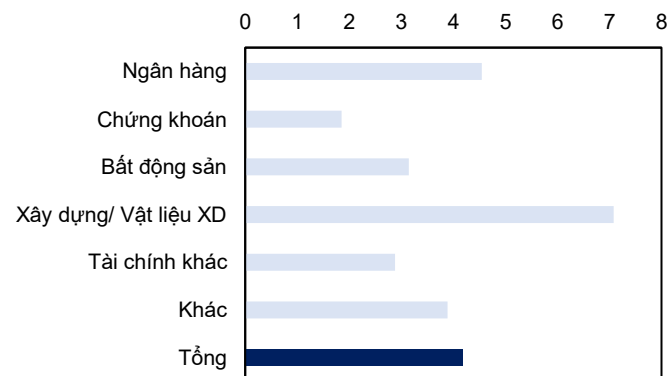
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Lãi suất bình quân tháng của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



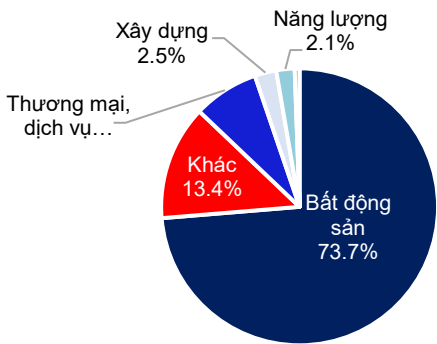
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2025 theo nhóm ngành (năm)



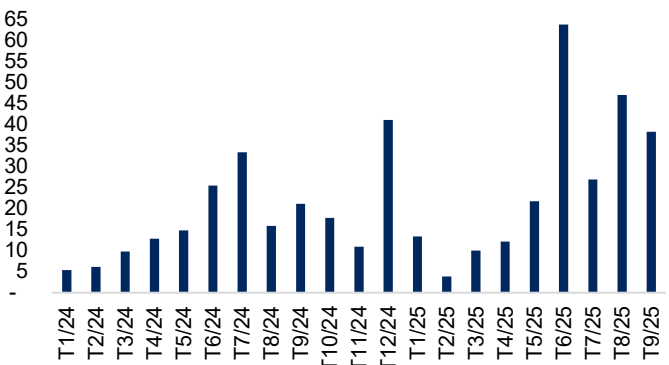
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 65 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 8: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 17/10)



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN phát hành thành công đạt 16,975 tỷ đồng TPCP trong tháng 9 với lợi suất trúng thầu tăng ở tất cả các kỳ hạn

Trong tháng 9, KBNN tăng quy mô chào bán TPCP, với tổng giá trị gọi thầu đạt 54 nghìn tỷ đồng – tăng 12.5% so với tháng 8. Trong đó, có gần 17 nghìn tỷ đồng được huy động thành công, tương ứng tỷ lệ trúng thầu đạt 31.4%. Theo đó, khối lượng TPCP phát hành trong Q3 chỉ hoàn thành 45.2% kế hoạch quý. Trong thông báo ngày 7/10, KBNN dự kiến sẽ tiếp tục phát hành thêm khoảng 56 nghìn tỷ đồng TPCP trong tháng 10, và 145 nghìn tỷ đồng trong Q4. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, KBNN đã phát hành tổng cộng gần 255.7 nghìn tỷ đồng TPCP. Như vậy, sau 9 tháng đầu năm, lượng TPCP phát hành thành công mới đạt 51.1% kế hoạch năm, qua đó gây áp lực lớn lên ba tháng cuối năm với lượng TPCP cần phát hành thành công là hơn 144 nghìn tỷ đồng.

Trong bối cảnh tốc độ giải ngân đầu tư công tiếp tục tăng tốc mạnh mẽ gây áp lực lên nhu cầu vốn ngân sách, lợi suất trái phiếu tại tất cả các kỳ hạn tiếp tục được điều chỉnh tăng từ 14 – 23 điểm cơ bản nhằm thu hút dòng tiền. Trong đó, kỳ hạn 5N tăng 23 điểm cơ bản lên mức 3.03%/năm. Bên cạnh đó, lợi suất kỳ hạn 10N và 15N cũng lần lượt tăng 14 và 17 điểm cơ bản lên mức 3.59%/năm và 3.64%/năm vào cuối T9.

Hình 9: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2025 đến nay (Tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN 2025	KBNN đã phát hành 2025	% Kế hoạch KBNN 2025
3 Năm	40,000		
5 Năm	100,000	25,900	26%
7 Năm	10,000	0	0%
10 Năm	230,000	215,147	94%
15 Năm	85,000	11,150	13%
20 Năm	10,000	500	5%
30 Năm	25,000	2,993	12%
Tổng	500,000	255,688.8	51.1%

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/9/2025

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

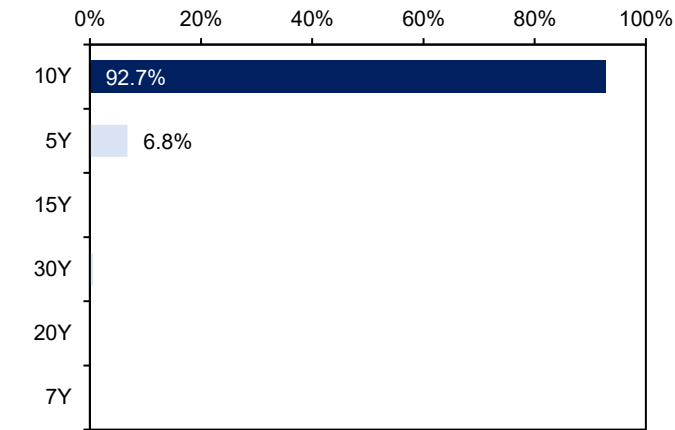
Hình 10: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T9/2025 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3N				
5N	4,000	1,150	29%	3% - 3.03%
7N				
10N	36,000	15,730	44%	3.45% - 3.59%
15N	12,000	0	0%	0.00%
20N				
30N	2,000	95	5%	3.55% - 3.64%
Tổng	54,000	16,975	31.4%	Đơn vị: Tỷ đồng

*Tính đến thời điểm 30/9/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

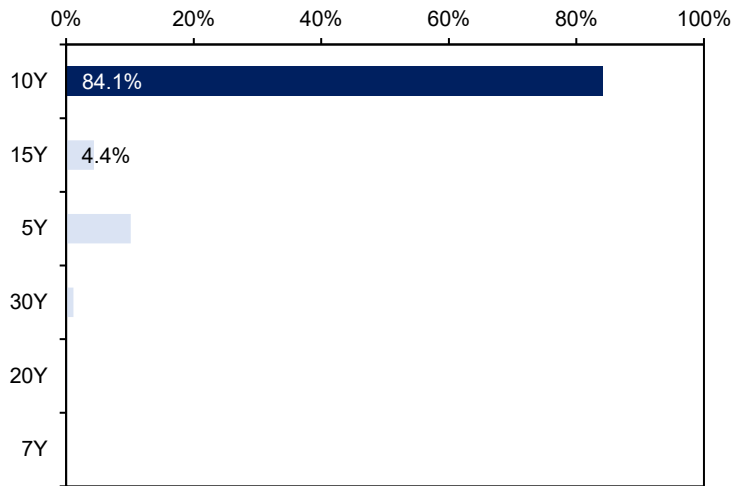
Hình 11: Tỷ trọng TPCP phát hành T9/2025



*Tính đến thời điểm 30/9/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

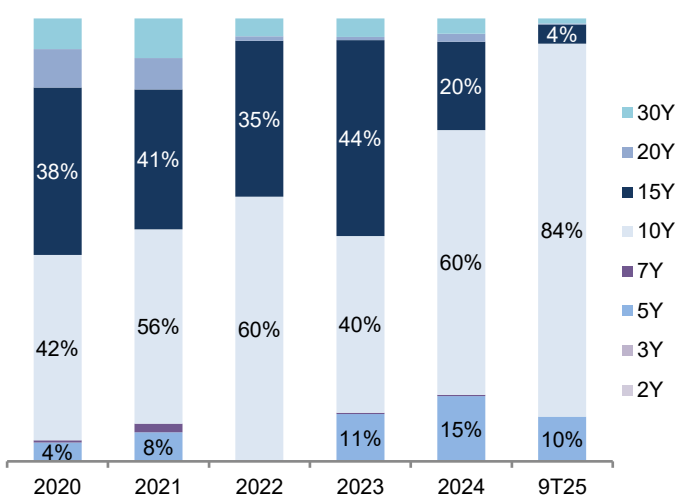
Hình 12: Tỷ trọng TPCP phát hành trong năm 2025



*Tính đến thời điểm 30/9/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 14: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 30/9/2025

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	31/12/2024
Mỹ	4.15	4.42	-7.8	-41.9
EU	2.71	-3.81	-1.4	34.4
Nhật Bản	1.65	-0.60	4.6	51.2
Trung Quốc	1.87	6.87	8.5	19.6
Hàn Quốc	2.94	13.00	12.7	6.9
Ấn Độ	6.58	10.41	0.9	-18.3
Malaysia	3.45	3.30	6.4	-36.3
Singapore	1.94	12.31	9.1	-93.5
Indonesia	6.37	2.24	0.7	-63.2
Philippines	4.71	-1.04	-15.0	-69.4
Thái Lan	1.48	10.43	12.9	-82.7
Việt Nam	3.62	4.50	7.3	65.4

* Số điểm cơ bản thay đổi so với thời điểm chốt dữ liệu

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

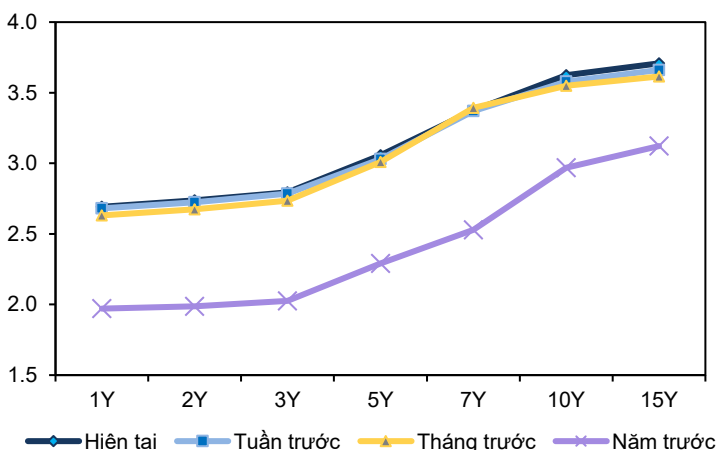
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP duy trì xu hướng tăng trong tháng tại tất cả các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp giảm 9.8% so với tháng trước. NĐTNN bán ròng gần 675.6 tỷ đồng TPCP trong tháng 9.

Lợi suất TPCP kỳ hạn 10N tiếp tục xu hướng tăng đều trong suốt tháng 9. Đến cuối tháng, lợi suất kỳ hạn 10N neo ở mức cao nhất kể từ giữa T3/2023 tại 3.62%/năm (+7 điểm cơ bản so với cuối tháng trước), trong khi lợi suất kỳ hạn 2N tăng 6 điểm cơ bản so với cuối tháng trước lên mức 2.74%/năm.

Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường TPCP thứ cấp đạt gần 16.8 nghìn tỷ đồng, giảm 9.8% so với tháng trước. Trong đó, giao dịch Outright chiếm 72% khối lượng trong kỳ với hơn 240.6 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch đạt hơn 12 nghìn tỷ đồng/ngày, giảm 14.9% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch Repos bình quân tăng 6.5% so với tháng trước, với giá trị giao dịch đạt hơn 4.7 nghìn tỷ đồng/ngày. Tổng giá trị khối ngoại bán ròng đạt gần 675.6 tỷ đồng TPCP trong kỳ. Lũy kế từ đầu năm 2025, NĐTNN đã mua ròng khoảng gần 2.5 nghìn tỷ đồng.

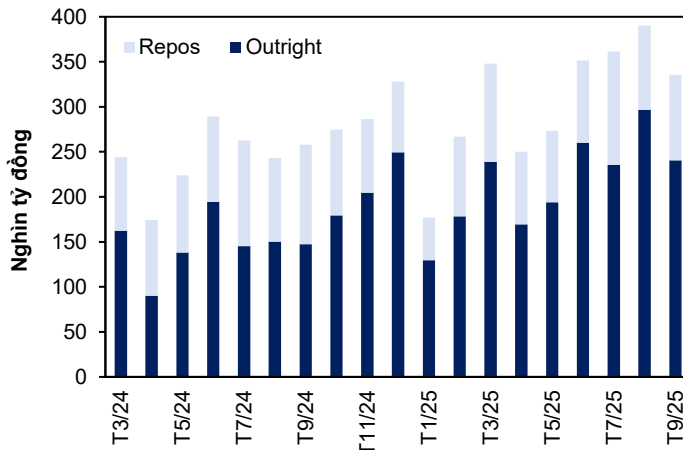
Hình 15: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/9

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

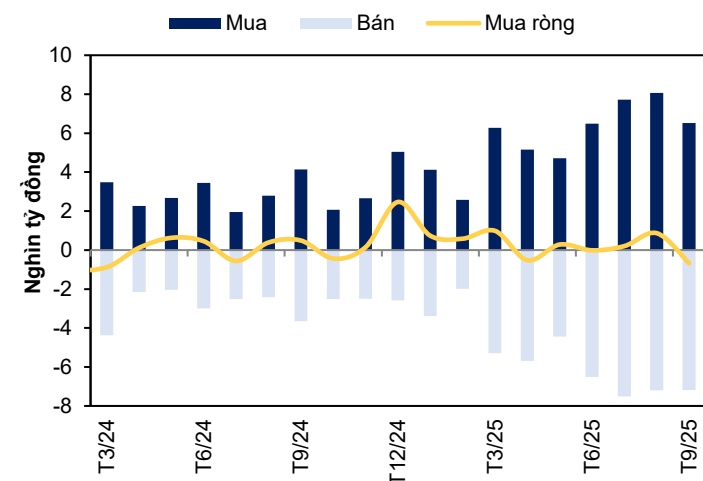
Hình 16: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/9

Nguồn: HNX, MBS Research

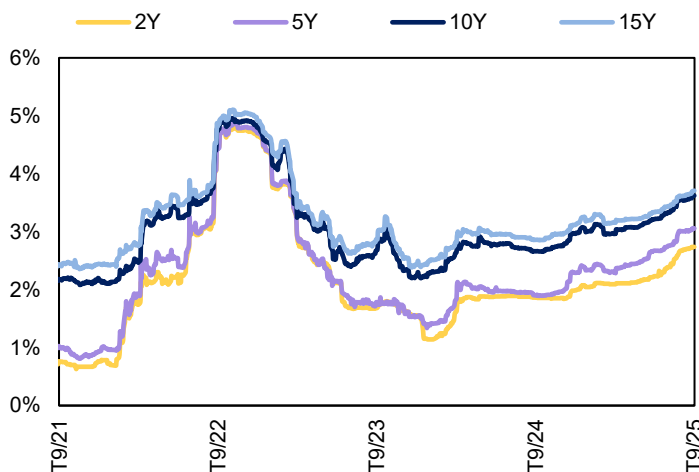
Hình 17: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/9

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 18: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/9

Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	2 - 3	41,000	5.0% - 6.1%
Ngân hàng TMCP Á Châu	2 - 5	35,150	4.95% - 5.9%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	2 - 3	30,100	5.1% - 6.3%
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3 - 10	29,844	5.0% - 6.48%
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3 - 3	24,400	5.2% - 5.7%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 3.2	24,000	11.0%-12.5%
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2 - 15	22,470	5.2% - 6.68%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7 - 20	22,040	5.68% - 6.4%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8 - 15	16,350	5.73%-6.35%
CTCP Vinhomes	3.25 - 3.5	15,000	11.0%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	3	7,500	12.0%-12.5%
Công ty TNHH Công Nghiệp - Bất Động Sản và Xây dựng Song Phương	5	388.5	12.0%
CTCP Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	5	192	12.0%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 3.2	24,000	11.0%-12.5%
CTCP Tập đoàn đầu tư Tây Bắc	3	120	11.5%
CTCP Vinhomes	3.25 - 3.5	15,000	11.0%
CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	3	3,714.1	11.0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	3	660	11.0%
CTCP Fecon	1.5	120	11.0%
CTCP Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu	3	500	10.5%-11.0%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 21: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 8 và tháng 9

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
TVRC	CTCP Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh	08/2025	300	9.2%	72
F88C	CTCP kinh doanh F88	08/2025	100	10.0%	12
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	08/2025	1,000	5.5%	36
BCM	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP	08/2025	500	10.3%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	08/2025	280	6.38%	96
BCM	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP	08/2025	500	10.3%	36
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	08/2025	1,200	5.4%	24
HGLC	Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	08/2025	1,000	10.5%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	2,000	5.4%	36
MSGC	CTCP May - Diêm Sài Gòn	08/2025	490	9.20%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	08/2025	2,000	5.65%	36
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	08/2025	1,000	5.%	24
TVRC	CTCP Đầu tư phát triển Bất động sản Thành Vinh	08/2025	600	9.2%	72
VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	08/2025	300	7.6%	84
SHS	CTCP chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	08/2025	550	8.0%	12
VHM	CTCP Vinhomes	08/2025	8,000	11.0%	42
VHM	CTCP Vinhomes	08/2025	7,000	11.0%	39

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	08/2025	800	7.65%	84
VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	08/2025	250	10.0%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	08/2025	1,000	5.9%	36
F88C	CTCP kinh doanh F88	08/2025	100	10.5%	18
ACBC	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	08/2025	200	6.5%	24
EVF	Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	08/2025	200	6.9%	24
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	08/2025	2,000	10.0%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	53	6.68%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	208.8	7.28%	120
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	08/2025	1,000	5.8%	36
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	08/2025	200	6.7%	84
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	100	6.78%	120
BHBC	CTCP Năng lượng Bắc Hà	08/2025	325	9.5%	60
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	08/2025	2,000	5.65%	24
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	08/2025	200	6.3%	84
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	08/2025	1,000	5.9%	36
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	08/2025	200	6.7%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	08/2025	32	6.58%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	08/2025	2,499	6.68%	96
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	08/2025	500	7.65%	84
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	1,000	5.7%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	08/2025	1,000	5.9%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	500	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	518	7.28%	120
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	08/2025	500	5.3%	36
MSGC	CTCP May - Diêm Sài Gòn	08/2025	500	9.2%	84
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	08/2025	700	6.8%	84
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	08/2025	800	7.0%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	08/2025	200	6.38%	96
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	08/2025	2,000	5.5%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	552.5	7.28%	120
HDC	CTCP Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	08/2025	200	11.0%	36
VND	CTCP Chứng khoán VNDirect	08/2025	250	7.5%	12
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	300	5.7%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	600	5.9%	24
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	1,800	5.3%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	08/2025	200	6.8%	120
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	08/2025	1,500	5.9%	36
GRLC	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Green Land	08/2025	315	10.5%	24
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	08/2025	1,000	5.6%	36
MSGC	CTCP May - Diêm Sài Gòn	08/2025	1,468	9.2%	84
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	1,000	6.0%	24
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	08/2025	70	6.48%	120
BCM	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP	08/2025	2,000	10.5%	48
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	08/2025	1,200	5.6%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	08/2025	1,200	5.3%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	09/2025	3,000	5.85%	36
ECFC	CTCP Công nghệ tài chính Encapital	09/2025	180	9.5%	36
HDC	CTCP Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	09/2025	300	10.5%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	100	6.78%	120

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	50	7.28%	120
TRMC	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Trường Minh	09/2025	2,500	8.95%	12
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	09/2025	3,000	5.6%	36
TRMC	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Trường Minh	09/2025	3,000	8.95%	12
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	101.8	7.28%	120
BMS	CTCP Chứng khoán Bảo Minh	09/2025	200	8.5%	60
TVRC	CTCP Đầu tư phát triển Bất động sản Thành Vinh	09/2025	610	9.2%	96
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	09/2025	3,000	5.85%	24
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát	09/2025	1,500	5.9%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	415	5.68%	84
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	150	7.28%	120
MSGC	CTCP May - Diêm Sài Gòn	09/2025	500	9.2%	84
SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	09/2025	499	9.5%	12
TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt	09/2025	300	7.5%	24
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	600	6.26%	180
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	09/2025	2,000	5.6%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát	09/2025	1,000	5.8%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	327.4	7.28%	120
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	09/2025	500	7.47%	96
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	09/2025	1,000	5.8%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	250	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	120	5.68%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	09/2025	500	7.47%	96
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	09/2025	1,000	9.72%	60
MBS	CTCP Chứng khoán MB	09/2025	500	7.0%	24
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	09/2025	750	7.65%	84
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	09/2025	2,425	7.18%	96
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	09/2025	2,800	5.7%	36
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	09/2025	2,500	11.0%	24
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát	09/2025	200	7.18%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	150	6.3%	180
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	200	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	320	5.68%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	09/2025	745	6.2%	84
IDTC	CTCP Phát triển Khu Công Nghiệp và Đô thị Thủ Thừa	09/2025	100	9.0%	24
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	09/2025	2,000	6.1%	24
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	09/2025	1,600	6.85%	84
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	09/2025	1,000	6.0%	24
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	09/2025	1,000	6.3%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	09/2025	1,000	6.1%	24
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	09/2025	3,500	11.0%	24
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	09/2025	2,000	5.9%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	75.3	7.28%	120

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

KHOI NGHIEN CUU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu <i>Trần Thị Khánh Hiền</i>	Trưởng phòng <i>Nguyễn Tiến Dũng</i>	
Vĩ mô & Chiến lược thị trường <i>Ngô Quốc Hưng</i> <i>Nghiêm Phú Cường</i> <i>Đinh Hà Anh</i>	Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính <i>Đinh Công Luyện</i> <i>Phạm Thị Thanh Hương</i>	Bất động sản - VLXD <i>Nguyễn Minh Đức</i> <i>Lê Hải Thành</i> <i>Phạm Thị Thanh Huyền</i>
Logistics – Vật liệu cơ bản <i>Võ Đức Anh</i>	Công nghiệp – Năng Lượng <i>Nguyễn Hà Đức Tùng</i> <i>Mai Duy Anh</i>	Dịch vụ - Tiêu dùng <i>Nguyễn Quỳnh Ly</i>